



THE
WORLD
BANK



Dự án VnSAT - Chuyển đổi nông nghiệp bền vững

BẢN TIN TUẦN

Tuần 26 (từ 25/06 – 29/06/2018)



ĐIỂM TIN

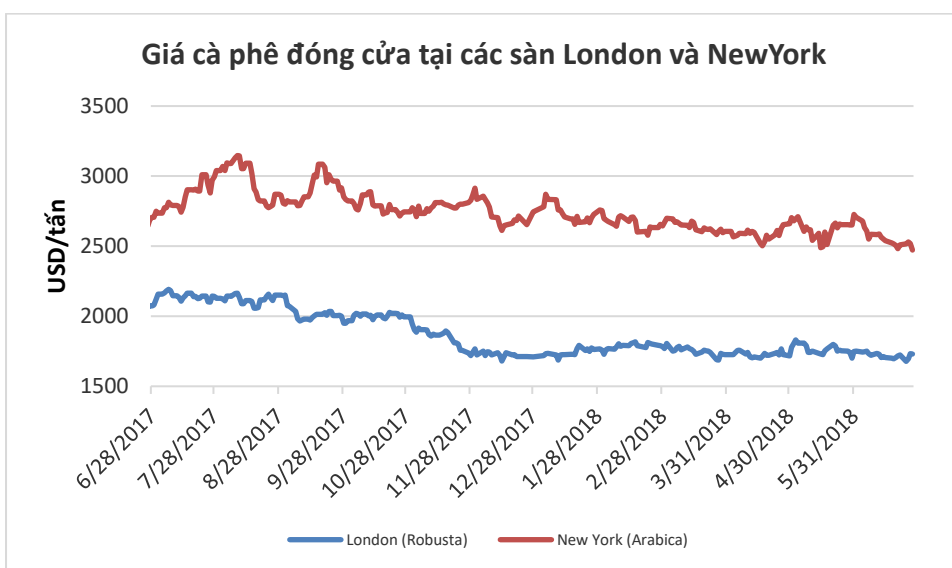
Giá Robusta và Arabica kỳ hạn tuần này không biến động nhiều so với tuần trước

USDA ước tính sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2018/19 đạt 171,2 triệu bao

Sản xuất cà phê tại Indonesia giảm 8% trong 5 năm qua

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Giá cà phê đóng cửa tại các sàn London và NewYork



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE, www.theice.com

Giá cà phê Robusta bình quân trên sàn kỳ hạn London tuần này đạt 1.709 USD/tấn, tương đương mức giá tuần trước và vẫn thấp hơn 16,7% so với cùng kỳ năm 2017. Giá cao nhất trong tuần đạt 1.733 USD/tấn, giá thấp nhất là 1.678 USD/tấn [1].

Giá cà phê Arabica bình quân trên sàn kỳ hạn New York tuần qua đạt 2.510 USD/tấn, tăng 3 USD so với tuần trước và thấp hơn 9,7% so với cùng thời điểm năm 2017. Giá cao nhất trong



tuần đạt 2.531 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần đạt 2.472 USD/tấn [1].

Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ (USDA) dự báo sản lượng cà phê thế giới niên vụ 2018/19 tăng 11,4 triệu bao so với niên vụ trước, ước đạt 171,2 triệu bao do sản lượng cà phê Brazil dự báo đạt mức cao kỷ lục. Tiêu thụ cà phê toàn cầu dự báo đạt kỷ lục 163,2 triệu bao, trong khi đó xuất khẩu cà phê toàn cầu cũng kỳ vọng tăng do nhu cầu mạnh. Tồn kho cà phê cuối vụ dự báo phục hồi sau 3 năm giảm liên tiếp.

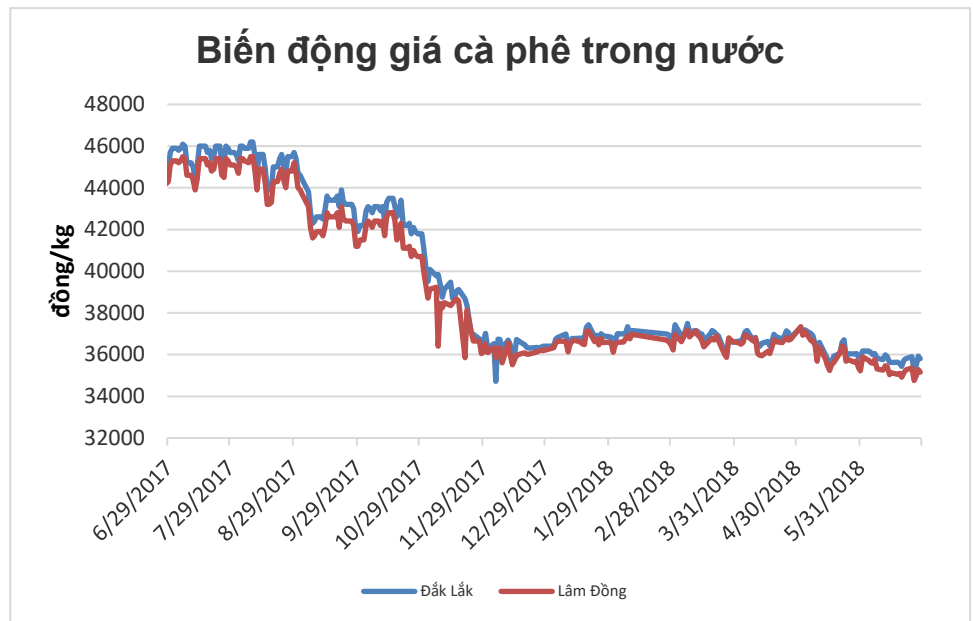
USDA cũng dự báo, sản lượng cà phê niên vụ 2018/19 tại Colombia và các nước khu vực Trung Mỹ và Mexico sẽ không biến động nhiều so với niên vụ 2017/18 ở mức lần lượt là 14,5 triệu bao và 20,3 triệu bao. Sản xuất cà phê tại các quốc gia này đã phục hồi do thực hiện chương trình tái canh cà phê sau dịch bệnh rỉ sắt xảy ra 6 năm trước. Đặc biệt tại Colombia, năng suất cà phê tăng khoảng 30% phần lớn nhờ việc thay thế cây cà phê già cỗi năng suất thấp bằng chủng loại cà phê có sức kháng bệnh nấm gỉ sét lá tốt. [2]

Tại Indonesia, sản lượng cà phê đã giảm khoảng 8% trong 5 năm vừa qua. Nguyên nhân khiến năng suất cà phê Indonesia giảm là do thời tiết thất thường, thiếu chăm sóc vườn cây và hoạt động chuyển đổi giống cây trồng của nông dân trồng cà phê tại nước này tăng do giá cà phê thấp [3]. Bên cạnh đó, nhu cầu tiêu thụ cà phê nội địa tại Indonesia tăng trưởng lên tục trong các năm gần đây khiến nước này thậm chí phải nhập khẩu thêm cà phê từ các nước khác, đặc biệt là từ đầu năm 2018 đến nay, lượng nhập khẩu cà phê từ Việt Nam đã tăng gần 10 lần so với cùng kỳ năm ngoái [4].

**ĐIỂM TIN**

Giá cà phê tại một số tỉnh Tây Nguyên và giá cà phê giao ngay tại cảng Sài Gòn (FOB) không biến động nhiều theo xu hướng giá cà phê Robusta trên sàn London

Bộ NN và PTNT ước tính tháng 6/2018, xuất khẩu cà phê ước đạt 164 nghìn tấn với giá trị 314 triệu USD

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC

Nguồn: CTV dự án VNSAT thu thập

Giá cà phê tại khu vực Tây Nguyên tuần này không biến động nhiều so với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 35.652 đ/kg, tương đương mức giá tuần trước và vẫn thấp hơn 19,97% so với cùng kỳ năm 2017. Tại Lâm Đồng, giá cà phê cũng giữ nguyên mức giá ở 35.107 đ/kg, vẫn thấp hơn 20,3% so với cùng kỳ năm trước [5].

Giá cà phê xuất khẩu giao ngay (FOB) tại cảng Sài Gòn tuần này đạt 1.558 USD/tấn, giảm 7 USD so với tuần trước và vẫn thấp hơn 25,95% so với cùng kỳ năm 2017 do lượng giao dịch không nhiều[7]. Một số nhà xuất khẩu cho biết rằng họ chưa ký được hợp đồng mới do giá niêm yết đang rất thấp, cộng với mức trừ lùi cao. Giá cà phê xuất khẩu loại 2, tối đa 5% đen vỡ hiện giao dịch quanh mức trừ 90 Usd/tấn FOB giao hàng qua lan can tàu.

Theo ước tính của Bộ NN và PTNT tháng 6/2018, xuất khẩu cà phê ước đạt 164 nghìn tấn với giá trị 314 triệu USD. Lũy kế 6 tháng đầu năm 2018, xuất khẩu cà phê ước đạt 1.042 nghìn tấn và 2,01 tỷ USD, tăng 11% về khối lượng nhưng giảm 4,7% về giá trị so với cùng kỳ năm 2017. [4].



Ngày 22/6 tại TPHCM, câu lạc bộ xuất khẩu cà phê hàng đầu Việt Nam (CLB G20) đã tổ chức hội nghị đánh giá tình hình xuất khẩu 8 tháng niên vụ 2017 – 2018 (từ 1/10/2017 đến 31/5/2018) và định hướng kinh doanh, xuất khẩu trong những tháng còn lại của niên vụ. Theo đó, hội nghị thống nhất định hướng về xuất khẩu cà phê những tháng còn lại của năm 2018 như sau: Đề nghị các doanh nghiệp và nông dân không bán ồ ạt khi giá thấp vì trong thời gian cuối vụ hàng tồn không còn nhiều. Các công ty xuất khẩu không nên ký hợp đồng giá trừ lùi trên 70 USD (loại Robusta 5% đen vỡ) nhằm đảm bảo lợi ích chung cho ngành cà phê Việt Nam [8].

Ngân hàng Rabobank của Hà Lan dự báo sản lượng cà phê Việt Nam trong niên vụ 2017/18 sẽ đạt mức cao kỷ lục, ước tính thu hoạch khoảng 28,7 triệu bao. Sản lượng cà phê Việt Nam niên vụ 2018/19 có thể thậm chí còn có thể cao hơn do hiện tượng thời tiết La Nina có thể mang hơi ẩm sớm đến vùng Tây Nguyên [8].

Nguồn tham khảo:

- [1]. <https://www.theice.com/index>
- [2]. <https://www.agra-net.com/agra/international-coffee-report/>
- [3]. <http://trademap.org/>
- [4]. <http://xttm.mard.gov.vn>
- [5]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương;
- [6]. Chi cục BVTV các tỉnh Tây Nguyên
- [7]. <https://www.customs.gov.vn/default.aspx>
- [8]. <http://giacaphe.com/>



Phụ lục: Giá cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên tuần này

ĐVT: đồng/kg

Tỉnh/Huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Biến động so tuần trước
Đắk Lắk						
<i>Giá đại lý</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.033	35.067	35.733	36.033	35.850	-90
Ea H'leo (xôvối)	36.000	35.567	35.533	36.033	35.900	33
Krông Năng (xôvối)	35.733	35.067	35.033	35.833	35.733	-27
<i>Giá công ty</i>						
Cư M'gar (xôvối)	36.400	35.400	36.133	36.400	36.200	-60
Ea H'leo (xôvối)	36.400	35.900	35.900	36.500	36.300	40
Krông Năng (xôvối)	36.000	35.200	35.600	36.000	35.900	60
Lâm Đồng						
<i>Giá đại lý</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.367	34.933	35.167	35.233	35.167	152
Lâm Hà (xôvối)	35.500	35.100	35.300	35.600	35.400	210
Đà Lạt (xôchè)	44.667	44.667	45.500	44.667	42.667	-1633
<i>Giá công ty</i>						
Bảo Lâm (xôvối)	35.867	35.433	35.667	35.733	35.667	187
Lâm Hà (xôvối)	36.100	35.700	35.900	36.100	35.900	40
Đà Lạt (xôchè)	45.667	45.667	46.000	45.667	43.667	-1733
Đắk Nông						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.000	35.100	35.300	35.850	35.900	-120
Đắk R'lấp (xôvối)	35.933	35.500	35.533	35.767	35.533	100
Đắk Song (xôvối)	36.050	35.350	35.400	35.850	35.650	-10
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Mil (xôvối)	36.450	35.600	35.800	36.250	36.300	-80
Đắk R'lấp (xôvối)	36.267	35.817	35.867	36.067	35.867	90
Đắk Song (xôvối)	36.400	35.700	35.750	36.100	36.000	-30



Gia Lai						
<i>Giá đại lý</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.033	35.100	35.267	35.633	35.500	-67
Pleiku (xôvối)	36.100	35.167	35.333	35.800	35.533	-73
<i>Giá công ty</i>						
Chư Pưh (xôvối)	36.133	35.200	35.367	35.733	35.600	-67
Pleiku (xôvối)	36.200	35.267	35.433	35.900	35.633	-73
Kon Tum						
<i>Giá đại lý</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.367	34.756	34.967	35.278	35.167	14
Đắk Hà (xôvối)	35.858	35.125	35.318	35.741	35.608	-25
<i>Giá công ty</i>						
Đắk Tô (xôvối)	35.911	35.300	35.500	35.789	35.667	-33
Đắk Hà (xôvối)	36.186	35.449	35.676	36.055	35.944	-12

Nguồn: CTV dự án VnSAT thu thập



Bản tin được thực hiện bởi **AGROINFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn

